

VIỆT NAM THAM GIA APEC - BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA HÀNH TRÌNH HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

Đinh Xuân Lý

*Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ giảng dạy lý luận Mác - Lênin
và tư tưởng Hồ Chí Minh*

Từ những năm 1970-1980, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ. Sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, sự liên kết, hợp tác giữa các nền kinh tế trở thành điều kiện quan trọng cho quá trình phát triển của các dân tộc. Đặc biệt, từ sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, vấn đề phát triển kinh tế trở thành mục tiêu hàng đầu đối với các nước thì nhu cầu liên kết hợp tác khu vực và quốc tế được đặt ra một cách bức thiết. Các quốc gia lớn, nhỏ, đang phát triển và phát triển tìm cách điều chỉnh lợi ích chiến lược của mình nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. Thế giới đã và đang chứng kiến quá trình liên kết diễn ra mạnh mẽ và có hiệu quả của Liên Minh châu Âu (EU) - một thị trường nhất thể hoá với đồng tiền chung châu Âu (EURO), Hiệp định khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA); Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Đông Á (EAEC); Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN); Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)...

Việt Nam là một nước thuộc khu vực Đông - Nam Á, nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây là khu vực, trong những thập niên 70, 80 có sự phát triển kinh tế vào loại năng động nhất thế giới. Nơi đây, đã và đang diễn ra quá trình liên kết, hợp tác khu vực mạnh mẽ với sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của các tổ chức ASEAN và APEC... Vì vậy, Việt Nam cần phải tham gia vào quá trình hợp tác khu vực để tranh thủ các điều kiện đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Xuất phát từ nhận thức đúng đắn xu thế chung của thế giới và yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước - phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế; đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, củng cố vị thế dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Các Đại hội và Hội nghị Trung ương Đảng tiếp theo quán triệt sâu sắc hơn quan điểm đối ngoại kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của Đại hội VI và phát triển hơn nữa chủ trương "thêm bạn bớt thù" thành phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" [1, tr.47]. Đảng ta chủ trương mở rộng quan hệ với

mọi quốc gia "Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình" [1, tr.88]. Chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chính, sang quan hệ chính trị - kinh tế, gia nhập các tổ chức khu vực và quốc tế khi cần thiết và có điều kiện.

Trong quan hệ hợp tác với khu vực, Đảng ta xác định cân coi trọng liên kết, hợp tác với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ưu tiên tăng cường quan hệ với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN "Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông - Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông - Nam Á hoà bình hữu nghị và hợp tác. Mở rộng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi" [1, tr.90] với các khu vực khác của thế giới. Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khoá VII) đề cập đến việc Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali (Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông - Nam Á ký ngày 24-2-1976), tham gia các diễn đàn đối thoại với ASEAN, tích cực nghiên cứu mở rộng quan hệ với ASEAN.

Như vậy, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đặt nền móng cho chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, tăng cường liên kết, hợp tác khu vực và quốc tế. Trong đó, việc mở rộng quan hệ và tiến tới gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á là hướng ưu tiên hàng đầu, là bước đột phá, mở đường cho hành trình hội nhập quốc tế của nước ta.

Thực hiện chủ trương đối ngoại rộng mở của Đảng, trong quan hệ với khu vực, ngoại giao Việt Nam đã góp phần làm rõ lập trường, quan điểm và thiện chí của ta về việc xây dựng Đông - Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương trở thành khu vực hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác. Năm 1993, Nhà nước ta công bố "chính sách bốn điểm mới của Việt Nam đối với khu vực", khẳng định Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở theo phương châm đa dạng hóa quan hệ với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau; hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi, vì lợi ích hòa bình và phát triển của mỗi nước; Việt Nam coi trọng việc mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước châu Á - Thái Bình Dương và chủ trương tăng cường quan hệ hợp tác nhiều mặt với từng nước láng giềng cũng như với Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á với tư cách là một tổ chức khu vực; sẵn sàng gia nhập ASEAN vào thời điểm thích hợp...

Thiện chí của Đảng và Nhà nước ta trong việc cải thiện và tăng cường quan hệ với các nước nói chung và khu vực Đông - Nam Á nói riêng, đã được dư luận quốc tế và các nước thành viên ASEAN đồng tình ủng hộ. Quan hệ song phương và đa phương giữa Việt Nam và ASEAN từng bước được khai thông và củng cố. Những nghi kỵ và hiểu lầm trong-quá khứ được giải tỏa. Việt Nam lần lượt tham gia vào cơ cấu của tổ chức ASEAN và chính thức gia nhập tổ chức này vào ngày 27 tháng 7 năm 1995. Đây là sự kiện lịch sử quan trọng đánh dấu sự phát triển về chất trong

quan hệ Việt Nam với các nước Đông - Nam Á, đồng thời là bước mở đầu cho hành trình Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế.

Quá trình tăng cường quan hệ với các nước ASEAN, đã tạo những tiền đề mới cho mở rộng hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Nhìn tổng thể, Việt Nam đã "phủ sóng ngoại giao" suốt từ Bắc tới Nam, từ Tây sang Đông với các sự kiện ngoại giao nổi bật như: quan hệ Việt - Mỹ được chính thức bình thường hóa ngày 11 tháng 7 năm 1995; Hiệp định Hợp tác Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) đã được ký tắt; quan hệ Việt Nam với các nước Tây, Bắc Âu được mở rộng. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam đã gặt hái được những thành công to lớn, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế "nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta" [2, tr.63]. Tháng 6 năm 1996, Việt Nam chính thức nộp đơn xin gia nhập Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Tháng 11 - 1997, Hội nghị thượng đỉnh APEC lần thứ năm đã nhất trí kết nạp Việt Nam làm thành viên tổ chức này. Tháng 11-1998. Việt Nam được kết nạp làm thành viên chính thức của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Tham gia APEC, Việt Nam hội nhập vào một tổ chức liên khu vực có quy mô rộng lớn, trong đó có nhiều cường quốc kinh tế, với một thực thể đa dạng và phức tạp hơn nhiều so với tổ chức ASEAN. Tính đến tháng 11 năm 1998, APEC có 21 thành viên, với dân số trên 2 tỷ người bao gồm các nước và vùng lãnh thổ có nền kinh tế và khoa học công nghệ phát triển hàng đầu thế giới như: Mỹ, Nhật Bản, Canada, Ôxtrâyliá...; các nền kinh tế công nghiệp mới phát triển với tốc độ nhanh như: Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo và các nước đang phát triển có tiềm năng lớn với sự năng động cao như Trung Quốc và các nước thuộc tổ chức ASEAN... "Tổng sản phẩm quốc dân (GDP) năm 1996 của APEC đạt 14 nghìn tỷ USD, chiếm 56% tổng sản lượng hàng năm của toàn thế giới; trao đổi thương mại trong APEC chiếm 46% tổng dung lượng thương mại hàng hóa thế giới" [3].

Bảng 1: Mức tăng GDP hàng năm (1991-1994) của APEC so với các khu vực khác (tính theo %)

	1991	1992	1993	1994
Thế giới	0,3	1,3	1,7	2,5
EU	0,7	1,1	-0,4	1,6
APEC	1,9	2,5	2,6	3,5

(Nguồn: Bộ Ngoại giao, Vụ Tổng hợp Kinh tế, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, NXB Chính trị Quốc gia, H. 1998, Tr 552)

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có tầm quan trọng đặc biệt về địa - chính trị và địa - kinh tế đối với Việt Nam. Đây là khu vực nhạy cảm cả về chính trị và an ninh, là nơi tập trung quyền lợi của các nước lớn, nơi tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp về lãnh thổ và lãnh hải. Vì vậy, việc Việt Nam tham gia APEC sẽ góp phần tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định và hữu nghị ở châu Á - Thái Bình Dương. Đây là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ta. Về kinh tế, các nền kinh tế thuộc Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương không những là đối tác quan trọng trong hệ thống kinh tế - thương mại thế giới mà còn là đối tác chủ yếu của nền kinh tế nước ta "chiếm tới 80% kim ngạch ngoại thương của Việt Nam" [4, tr.11], trong khi đó, khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) chỉ chiếm khoảng 1/3 kim ngạch ngoại thương Việt Nam.

*Bảng 2: Danh sách 10 bạn hàng lớn nhất của Việt Nam thời kỳ 1991-1995
(tỷ trọng tính bằng % của tổng số vốn)*

TT	Tên nước và lãnh thổ (thứ tự theo tổng kim ngạch)	Tỷ trọng trong xuất khẩu của Việt Nam	Tỷ trọng trong nhập khẩu của Việt Nam	Tỷ trọng trong tổng kim ngạch
1	Nhật Bản	28,46	10,67	17,97
2	Xingapo	14,62	20,09	17,85
3	Hàn Quốc	2,19	12,49	8,26
4	Đài Loan	5,35	7,07	6,36
5	Hồng Kông	4,86	5,26	5,10
6	Trung Quốc	7,42	2,33	4,42
7	Nga	2,22	5,08	3,91
8	Pháp	3,15	4,03	3,67
9	Thái Lan	2,88	4,05	3,57
10	Đức	4,61	2,69	3,48
	Cộng	75,76	73,76	74,58

(Nguồn: Bộ Ngoại giao, Vụ tổng hợp Kinh tế, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, NXB Chính trị Quốc gia, H. 1998, Tr 555)

Bảng thống kê trên cho thấy, trong số 10 bạn hàng lớn nhất của Việt Nam thời kỳ 1991-1995, có tám nước hiện nay là thành viên của APEC và là những nước chiếm tỷ trọng xuất nhập khẩu lớn nhất trong danh sách các bạn hàng của Việt Nam.

Các nước và vùng lãnh thổ tham gia APEC cũng là những đối tác đầu tư lớn vào Việt Nam, "chiếm 75% tổng số vốn đầu tư nước ngoài và là một nguồn cung cấp ODA lớn nhất cho Việt Nam" [4, tr.11] (trong khi đó, tính đến tháng 3/1994, đầu tư trực tiếp của ASEAN vào Việt Nam chiếm 18% tổng số dự án và 16% tổng số vốn đầu tư của nước ngoài ở Việt Nam). Theo số liệu thống kê do Vụ Tổng hợp Kinh tế Bộ Ngoại giao đưa ra thì tám nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam đều là các nước thành viên APEC.

Bảng 3: Danh sách tám nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam (tính đến 28-6-1997)

TT	Tên nước và lãnh thổ (thứ tự theo số vốn đầu tư)	Số dự án	Tổng số vốn đầu tư (triệu đô la)
1	Xingapo	165	5.170
2	Đài Loan	297	3.962
3	Hồng Kông	195	3.643
4	Nhật Bản	206	3.136
5	Hàn Quốc	190	2.555
6	Mỹ	70	1.185
7	Thái Lan	77	1.073
8	Malaixia	56	1.071

(Nguồn: Bộ Ngoại giao; Vụ Tổng hợp Kinh tế, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, NXB Chính trị Quốc gia, H. 1998, Tr 557)

Những số liệu trên đây cho thấy kết quả hợp tác về thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và các nước thành viên APEC từ năm 1991-1997 là rất lớn. Khi tham gia vào APEC, Việt Nam có thêm điều kiện để mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác với các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Hội nhập ASEAN, chúng ta quan hệ với các nước thuộc loại vừa và nhỏ, với các nền kinh tế đang phát triển. Tham gia APEC, Việt Nam phải đối mặt trực tiếp với những nước phát triển có nền kinh tế hùng mạnh, với trình độ khoa học công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới, và các nền kinh tế đang lên. Mặt thuận lợi cơ bản của hội nhập là chúng ta có điều kiện mở rộng thị trường cho hàng hoá nội địa (dân số các nước APEC gấp gần 5 lần dân số ASEAN), thu hút được nhiều vốn đầu tư hơn, tiếp nhận được công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến của thế giới.

Vấn đề Việt Nam tham gia APEC là phù hợp với yêu cầu khách quan của sự phát triển nền kinh tế đất nước và xu thế quốc tế. Tuy nhiên, do điểm xuất phát thấp về trình độ nền kinh tế, nên việc hội nhập của Việt Nam gặp phải những khó

khăn và thách thức rất lớn. So với các nước trong APEC, thu nhập quốc dân tính theo đầu người của Việt Nam vào loại thấp nhất; nền kinh tế nước ta mới chuyển sang cơ chế thị trường, thiếu đồng bộ, hệ thống chính sách và môi trường pháp luật kinh tế chưa ổn định hoặc bất cập so với các nước; trình độ khoa học công nghệ và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn rất hạn chế, chưa thích ứng được với tập quán kinh doanh quốc tế. Mục tiêu tự do hóa thương mại và đầu tư của APEC đặt ra với các nước đang phát triển vào năm 2020 là một thách thức lớn đối với Việt Nam. Nó sẽ làm giảm nguồn thu ngân sách Nhà nước qua thuế nhập khẩu, đe dọa đến sự tồn tại và hoạt động của một số ngành kinh tế có khả năng cạnh tranh yếu; luồng đầu tư và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài là yếu tố tích cực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, nhưng nếu chúng ta không có cơ chế, biện pháp quản lý tốt thì tác dụng của nó sẽ ngược lại. Vì vậy, để hội nhập đạt hiệu quả cao, nền kinh tế nước ta phải được đổi mới về cơ cấu, về trình độ, về môi trường đầu tư, hợp tác và về khả năng cạnh tranh trên thương trường quốc tế. Đây chính là động lực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Trong các thành viên của APEC, có nhiều nước phát triển là trụ cột của những tổ chức tài chính, tín dụng và thương mại quốc tế. Vì vậy, việc tham gia APEC sẽ tạo những điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, trước mắt là việc tiến hành đàm phán hiệp định thương mại Việt - Mỹ và việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam (nước ta nộp đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới từ tháng 12 năm 1994).

Tóm lại: Việt Nam gia nhập APEC là bước phát triển mới của hành trình hội nhập khu vực và quốc tế dưới ánh sáng của đường lối đối ngoại rộng mở - đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế được đề ra từ Đại hội Đảng lần thứ VI. Sự kiện này không những đánh dấu vị thế mới của nước ta trong quan hệ với khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà còn mở ra triển vọng to lớn cho quá trình Việt Nam tham gia vào các tổ chức hợp tác quốc tế, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [2].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng cộng sản Việt Nam. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. NXB Sự thật, H. 1991.
- [2] Đảng cộng sản Việt Nam. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. NXB Chính trị Quốc gia, H. 1996.
- [3] Bộ Thương mại, Vụ chính sách thương mại đa biên. *Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*. NXB Chính trị Quốc gia, H. 1998, tr 50-51.
- [4] Bộ ngoại giao, Vụ Tổng hợp kinh tế. *Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*. NXB Chính trị Quốc gia, H. 1998.